

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Ngọc Ái Linh – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 06/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2026/QĐST – HNGĐ ngày 19/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Hoàng Chí T** - sinh năm 1993

Địa chỉ: **ấp X, xã X, thành phố Đ.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Phà C** - sinh năm 1990

Địa chỉ: **ấp X, xã X, thành phố Đ.**

(Ông **T**, bà **C** đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn ông **Hoàng Chí T** trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào năm 2022 ông và bà **C** tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ).**

Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau và thường xuyên cãi vã. Hai ông bà đã ly thân được hơn 01 năm nay. Vợ chồng không còn

quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không thể hàn gắn, ông **T** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án được ly hôn với bà **C**.

Vợ chồng có con chung là cháu **Hoàng Bảo N**, sinh ngày 19/8/2023; Cháu **N** đang ở cùng bà **C**, nên khi ly hôn ông có nguyện vọng tiếp tục giao cháu **N** cho bà **C** nuôi dưỡng; do ông đã nhiều lần đưa tiền cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà **C** đều không chịu lấy nên ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung theo ông **T** là không có.

* Bị đơn là bà **Nguyễn Thị Phà C** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông **Hoàng Chí T** có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và con chung với bà **Nguyễn Thị Phà C**, cư trú tại: **ấp X, xã X, thành phố Đ**. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông **Hoàng Chí T** là nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị Phà C** là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông **T** có đơn xét xử vắng mặt, bà **C** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**, bà **C** là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hoàng Chí T** và bà **Nguyễn Thị Phà C** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2022 tại **UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ)**. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông **T** có nguyện vọng xin ly hôn với bà **Nguyễn Thị Phà C** nhưng bà không hợp tác, không có lời khai. Theo ông **T** thì nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau và thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã ly thân với nhau đã hơn 01 năm nay. Bà **C** không có lời trình bày nhưng qua bản tự khai của 02 người làm chứng **Nguyễn Thị H** và **Trang Giang T1** thì “hai người mâu thuẫn thế nào thì không biết nhưng 02 ông bà đã không còn sống chung với nhau hơn 01 năm nay, hiện con chung của hai ông bà do bà **C** nuôi dưỡng”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đều tổng đạt văn bản tố tụng cho bà **Nguyễn Thị Phà C** theo luật định nhưng bà không hợp tác, chứng tỏ bà **C** cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn vợ

chồng giữa ông **T** và bà **C** đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần thiết cho ông **Hoàng Chí T** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Phà C** là phù hợp.

- Về con chung: cháu **Hoàng Bảo N**, sinh ngày 19/8/2023 hiện đang sống cùng bà **C**, xét thấy cháu còn nhỏ nên tiếp tục giao cháu cho bà **C** nuôi dưỡng là phù hợp; Tạm thời ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: theo ông **T** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Ông **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông nộp tại Thi hành **án dân sự tỉnh Đ** (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**) theo biên lai thu tiền số 0007454 ngày 02/4/2026 thành án phí. Ông **T** đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Hoàng Chí T** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Phà C**.

2. Về con chung: Giao cho bà **Nguyễn Thị Phà C** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Hoàng Bảo N**, sinh ngày 19/8/2023 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Tạm thời ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Khi cần thiết, ông **T** và bà **C** được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo ông **T** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Ông **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông **T** nộp tại Thi hành **án dân sự tỉnh Đ** (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**) theo biên lai thu tiền số 0007454 ngày 02/4/2026 thành án phí. Ông **T** đã nộp đủ án phí.

Báo cho ông **T**, bà **C** biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng THA DS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng